TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 715/2023/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

- Căn cứ vào Điều 144, 147, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 688/2023/TLST-HNGĐ ngày 10/11/2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa:

Người yêu cầu:

- **Chị Đ.T.T.H,** sinh năm 1985;

- **Anh N.Đ.H,** sinh năm 1977;

Cùng ĐKHKTT và nơi ở: Tổ 1, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Chị Đ.T.T.H và anh N.Đ.H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 19/9/2005 tại Ủy ban nhân dân phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận kết hôn số: 112; Quyển số: I/2005). Đây là hôn nhân hợp pháp.

[2]. Chị Đ.T.T.H và anh N.Đ.H yêu cầu Tòa án nhân dân quận Ba Đình công nhận thuận tình ly hôn vì cả hai đều xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có. Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của hai bên đã được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 13/11/2023 tại Tòa án nhân dân quận Ba Đình là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Đ.T.T.H và anh N.Đ.H có 04 (bốn) con chung là cháu N.H.M, sinh ngày 08/10/2006; cháu N.M.A, sinh ngày 22/4/2010; cháu N.H.A, sinh ngày 28/9/2015 và cháu N.M.P, sinh ngày 18/3/2018. Anh chị thống nhất thỏa thuận để cả bốn con chung là cháu N.H.M, sinh ngày 08/10/2006; cháu N.M.A, sinh ngày 22/4/2010; cháu N.H.A, sinh ngày 28/9/2015 và cháu N.M.P, sinh ngày 18/3/2018 cho mẹ là chị Đ.T.T.H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh N.Đ.H tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi bốn con chung số tiền là 15.000.000 (Mười lăm) triệu đồng/tháng kể từ tháng 12 năm 2023.

[4]. Về tài sản chung: Chị Đ.T.T.H và anh N.Đ.H tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Đ.T.T.H và anh N.Đ.H không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí: Chị Đ.T.T.H tự nguyện chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí giải quyết yêu cầu về hôn nhân gia đình.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản thuận tình ly hôn thỏa thuận việc nuôi con và chia tài sản sau khi ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về tình cảm: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đ.T.T.H và anh N.Đ.H.

- Về con chung: Chị Đ.T.T.H và anh N.Đ.H có 04 (bốn) con chung là cháu N.H.M, sinh ngày 08/10/2006; cháu N.M.A, sinh ngày 22/4/2010; cháu N.H.A, sinh ngày 28/9/2015 và cháu N.M.P, sinh ngày 18/3/2018. Giao cả bốn con chung là cháu N.H.M, sinh ngày 08/10/2006; cháu N.M.A, sinh ngày 22/4/2010; cháu N.H.A, sinh ngày 28/9/2015 và cháu N.M.P, sinh ngày 18/3/2018 cho mẹ là chị Đ.T.T.H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh N.Đ.H có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi bốn con chung số tiền là 15.000.000 (Mười lăm) triệu đồng/tháng kể từ tháng 12 năm 2023 cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

Anh N.Đ.H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nhà ở: Chị Đ.T.T.H và anh N.Đ.H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về các khoản vay nợ: Chị Đ.T.T.H và anh N.Đ.H không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí: Chị Đ.T.T.H tự nguyện chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí giải quyết yêu cầu về hôn nhân gia đình, được trừ tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0004543 ngày 10/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;
- Chi cục THA dân sự quận Ba Đình;
- Cơ quan nơi thực hiện việc ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đặng Thu Phương